



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 31/2025

(29/07/2025 – 04/08/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI lại giảm về dưới mức 2.000 điểm, hiện ghi nhận 1.970 điểm (giảm 139 điểm tương đương $\downarrow 6,6\%$) – mức thấp nhất trong vòng ba tuần qua. Cước tàu các phân khúc đều đồng loạt hạ nhiệt như sau: Capesize giảm 139 điểm ($\downarrow 9,1\%$) còn 3.006 điểm. Panamax giảm thêm 108 điểm ($\downarrow 6,2\%$) còn 1.633 điểm – đáng chú ý là phân khúc này đã giảm liên tục trong 14 phiên liên tiếp (hơn 2 tuần). Hai phân khúc còn lại biến động nhẹ nhàng hơn: Supramax giảm 11 điểm ($\downarrow 0,8\%$) còn 1.270 điểm, Handysize gần như chỉ dao động quanh mức 670-682 điểm. Hoạt động mua bán tàu tuần qua tương đối thưa thớt, tập trung chủ yếu ở các phân khúc nhỏ như Ultramax và Supramax. Ở phân khúc Panamax ghi nhận tàu **Gorgoypikoos** (76.498 dwt, đóng 2005 Nhật, DD 05/2028, SS 05/2030) được chủ tàu Hy Lạp bán cho Người mua Trung Quốc với giá khoảng 9 triệu đô la Mỹ - tàu vừa qua đã đặc biệt tháng 5/2025. Giá tàu này cũng sẽ thiết lập mốc tham chiếu mới cho cỡ tàu Panamax đóng Nhật già 20 tuổi. Ở phân khúc Supramax, tàu **DL Pansy** (57.835 dwt, đóng 2013 xưởng Samjin đặt tại Trung Quốc, DD 05/2026, SS 02/2028) về tay Người mua Hy Lạp với giá khoảng 14 triệu đô la Mỹ. Tuần trước, chủ tàu Hong Kong Jinhui Shipping chốt tàu **Jin Ji** (56.913 dwt, đóng 2009 Trung Quốc, DD 11/2027, SS 9/2029) cho người mua nội địa với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Tuần này thêm một tàu chị em ra đi là **Jin Jun** (56.887 dwt, đóng 2009 Trung Quốc, DD 01/2028, SS 12/2029) với mức tương tự. Được biết, chủ tàu Jinhui Shipping đang đặt mục tiêu tái cơ cấu lại đội tàu của mình như những chủ tàu khác: tập trung vào chất lượng và giảm độ tuổi trung bình đội tàu. Ngoài ra, có tin một chủ tàu Trung Quốc cũng đang chốt tàu **Cheval Blanc** (56.732 dwt, đóng 2009, DD 07/2027, SS 09/2029) với giá khoảng 10,5 triệu đô la Mỹ song chưa được xác thực, mức này được xem là khá mềm so với các tàu của chủ tàu Jinhui Shipping. Ở phân khúc tàu 38k dwt, chủ tàu Hy Lạp bán thành công tàu **Evangelia L** (38.167 dwt, đóng 2015 Nhật, DD 01/2027, SS 04/2030) cho người Mua Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 19,5 triệu đô la Mỹ. Giá tàu này khá cao để tham khảo do hầm hàng hộp, máy chính máy điện và cũng vừa qua đã 2/2025 nên hạn đã tiếp theo còn rất xa. Tháng 5 vừa qua, tàu tương tự **Unity Star** (37.614 dwt, đóng 2015 Nhật, DD/SS 8/2025) được bán thành công với giá khoảng 18 triệu đô la Mỹ - giá mềm do tàu cần sớm lên đà sau khi mua.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) giảm nhẹ 23 điểm ($\downarrow 3,4\%$) còn 651 điểm, chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng 78 điểm ($\uparrow 8,8\%$) lên 965 điểm. Xét tổng quan cước thuê tàu ghi nhận xu hướng trầm lắng đối với cả tàu chở dầu thô và tàu chở dầu thành phẩm/hóa chất nói chung do nhu cầu yếu kém trong giai đoạn cuối hè. Hoạt động mua bán tuần qua cũng vô cùng ít ỏi, không ghi nhận phân khúc nào khác trừ MR. Có tin tàu chemical **Astir Lady** (50.286 dwt, đóng 2011 Hàn Quốc, DD/SS 04/2026) được chốt với giá khoảng 18,5 triệu đô la Mỹ, song thương vụ này chưa thành công do chủ tàu Singapore vẫn đang nhắm mức cao hơn. Chủ tàu International Seaways cũng vừa bán tàu **Seaways Titan** (49.999 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 12/2026, SS 11/2028) vừa được bán với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ. Mức này hợp lý nếu so với tàu trẻ hơn một tuổi **Bull Shark** (49.999 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, DD 06/2027, SS 03/2029) bán tháng trước với giá khoảng 17,15 triệu đô la Mỹ. Đối với tàu trẻ, chủ tàu Norden chốt tàu chemical **Nord Olympia**

(49.995 dwt, đóng 2018 Nhật, DD 03/2026, SS 03/2028) với giá khoảng 37-37,5 triệu đô la Mỹ, tình trạng tàu tốt (báo cáo IDWAL chấm 86/100 điểm). Đây là giao dịch nối tiếp tàu chị em **Nord Oceania** (49.996 dwt, đóng 2018 Nhật, DD/SS 04/2027) bán tháng 6 vừa qua với giá tương tự. Nhìn chung giá bán tàu MR (già lẫn trẻ) trong các giao dịch tuần qua khá ổn định.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Herun Zhejiang	2017	China	181,056	48.00	Chinese	DD/SS 07/2027
Cedric Oldendorff	2011	Japan	95,608	16.20	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 06/2026
Pedhoulas Leader	2007	Japan	82,050	12.50	Undisclosed	DD/SS 02/2027, Greek owners
Gorgoypikoos	2005	Japan	76,498	9.00	Chinese	DD/SS passed 05/2025, next DD 05/2028, SS 05/2030 Greek owners
IVS Atsugi	2020	Japan	65,661	29.20	Eastmed	DD/SS due 12/2025
Belinda	2016	China	63,339	84.00	Undisclosed	DD/SS 01/2026
Belatlantic	2016	China	63,318			DD/SS 05/2026
Belsouth	2015	China	63,297			DD/SS due 09/2025
Belmont	2016	China	63,263			DD/SS 02/2026
DL Pansy	2013	Samjin, China	57,835	14.00	Greek	DD 05/2026, SS 02/2028
Jin Jun	2009	China	56,887	11.00	Undisclosed	DD/SS passed 01/2025, next DD 01/2028, SS 12/2029
Evangelia L	2015	Japan	38,167	19.50	Turkish	OHBS, M/E engine, DD/SS passed 02/2025, next DD 01/2027, SS 04/2030
TANKERS						
Seaways Titan	2008	Korea	49,999	16.50	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy coated, DD 12/2026, SS 11/2028
Nord Olympia	2018	Japan	49,995	37.50	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 03/2026, SS 03/2028, Danish owners
CONTAINERS						
As Floretta	2007	China	18,464	33.00	Undisclosed	1284 teu, ice class II, DD/SS 04/2027
As Felicia	2006	China	18,291			1296 teu, ice class II, DD/SS 12/2026
As Fiorella	2007	China	18,270			1296 teu, ice class II, DD/SS 04/2027
OTHERS						
Methane Alison Victoria	2007	Korea	79,058	20.00	Excelerate Energy	Old sale, LNG 145578 cbm

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2025	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	76.00	0%	0%	1%	-1%	60.75
180k dwt	5 tuổi	63.00	-2%	-2%	0%	-2%	44.75
170k dwt	10 tuổi	45.00	1%	3%	8%	4%	31.50
150k dwt	15 tuổi	26.00	-2%	-9%	0%	-9%	20.00
PANAMAX							
82k dwt	Resale	38.00	3%	1%	-3%	-9%	36.75
82k dwt	5 tuổi	30.50	5%	-2%	-6%	-16%	30.25
76k dwt	10 tuổi	23.50	6%	0%	2%	-14%	21.25
74k dwt	15 tuổi	15.00	10%	3%	12%	-13%	14.00
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.00	0%	0%	-1%	-8%	34.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	2%	0%	-3%	-15%	26.00
56k dwt	10 tuổi	22.50	0%	-4%	-2%	-20%	19.00
52k dwt	15 tuổi	14.50	7%	2%	5%	-6%	13.00
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	32.50	2%	0%	-1%	-4%	29.00
37k dwt	5 tuổi	25.50	4%	4%	4%	-5%	22.75
32k dwt	10 tuổi	19.00	8%	11%	17%	0%	15.25
28k dwt	15 tuổi	11.80	2%	0%	9%	-8%	9.75
Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2025	1M	3M	6M	12M	
VLCC							
310k dwt	Resale	147.00	0%	2%	-1%	2%	114.25
310k dwt	5 tuổi	117.00	0%	4%	3%	2%	87.00
250k dwt	10 tuổi	87.00	0%	5%	2%	3%	62.25
250k dwt	15 tuổi	58.00	0%	9%	7%	1%	44.25
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	93.00	-1%	-1%	-3%	-6%	78.75
150k dwt	5 tuổi	76.00	-1%	-1%	0%	-8%	61.00
150k dwt	10 tuổi	61.00	-2%	-2%	5%	-10%	45.50
150k dwt	15 tuổi	40.00	-2%	-2%	-2%	-15%	29.50
AFRIMAX							
110k dwt	Resale	75.00	0%	0%	-5%	-12%	65.50
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	0%	-2%	-13%	51.50
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	0%	-3%	-16%	38.25
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	0%	-3%	-17%	25.25
MR							
52k dwt	Resale	52.00	4%	4%	2%	-5%	44.75
52k dwt	5 tuổi	42.00	5%	2%	2%	-11%	35.50
45k dwt	10 tuổi	32.00	7%	3%	3%	-17%	25.75
45k dwt	15 tuổi	18.50	0%	-12%	-14%	-34%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	320,000 dwt	128.50	2+1	Hanwha Korea	Tsakos Energy Navigation	Jan 2028	Price per unit
Tanker	9,000 dwt	28.00	2	Fujian Mawei	COSCO	2027-2028	Price per unit, asphalt carriers
Tanker	9,000 dwt	28.00	2	Huangpu Wenchong	COSCO	2027-2028	Price per unit, asphalt carriers
Bulker	210,000 dwt	73.50	6	Cosco Zhoushan	COSCO	Q4 2028	Price per unit
Bulker	210,000 dwt	73.50	4	Qingdao Beihai	COSCO	End 2027	Price per unit
Container	3,500 teu	75.00	1	Taizhou Sanfu	Hartmann	-	High reefer content
Container	3,100 teu	46.60	2	Zhoushan Changhong	Costamare	2027	Price per unit
Container	3,100 teu	46.60	2	Zhoushan Changhong	Costamare	2028	Price per unit
Container	1,930 teu	33.00	1	CSSC Guangzhou Wenchong	Schoeller Holdings	Mid 2027	
Container	1,930 teu	33.00	1	CSSC Guangzhou Wenchong	Schoeller Holdings	Early 2028	
Container	1,100 teu	23.00	2+2	Yangzijiang	CK Line Korea	Jul – Aug 2027	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/ 2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	-4.67%	-4.67%	-6.54%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	1.37%	0.00%	-1.33%
Supramax (61.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	-1.45%	-1.45%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	0.00%	0.00%	-1.64%	-1.64%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/ 2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.79%	-1.92%	-2.66%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	-0.58%	0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	-3.27%	-1.99%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	-4.59%	-2.80%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

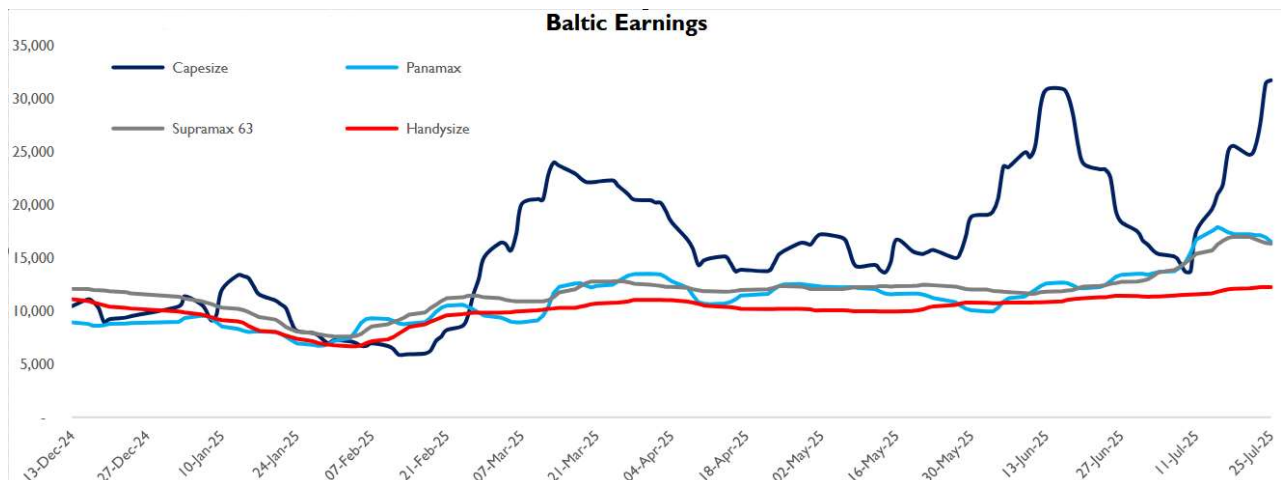
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Supramax** tuần qua ở mức 16.035 đô la Mỹ, giảm 316 đô la Mỹ so với mức 16.351 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tuần này không có nhiều biến động, với các hoạt động mới hạn chế và tâm lý vị thế chiếm ưu thế ở cả hai lưu vực. Giá cước ở Continent và Địa Trung Hải vẫn ổn định dù giảm nhẹ ở các khu vực xếp hàng chính quanh Vịnh Châu Mỹ và Nam Đại Tây Dương. Thị trường Châu Á vẫn tiếp tục nhiều diễn biến trái chiều, với Đông Nam Á duy trì ổn định nhưng các khu vực khác thiếu động lực, đặc biệt là ở Bắc Thái Bình Dương. Nhìn chung, sự chậm lại của mùa hè và kỳ nghỉ lễ là nguyên nhân chính khiến số lượng giao dịch ít ỏi.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 12.201 đô la Mỹ, giảm 70 đô la Mỹ so với mức 12.271 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường khu vực Continent và Địa Trung Hải có ít thay đổi, với mức giá thuê ổn định. Ở Nam Đại Tây Dương và Vịnh Châu Mỹ, có sự chênh lệch lớn giữa các chủ tàu và người thuê, khiến các chủ tàu bắt đầu giảm bớt kỳ vọng. Thị trường Thái Bình Dương vẫn kiên cường trong bối cảnh thiếu hụt tàu ở Bắc Thái Bình Dương. Tình trạng chậm trễ do thời tiết đã buộc một số công ty thuê tàu phải chấp nhận mức giá cao hơn cho các tàu có sẵn ngay. Tại Đông Nam Á, dù số lượng tàu tăng lên và nhu cầu hàng hóa giảm, sự kháng cự của các chủ tàu đã giúp giữ mức giá ổn định.

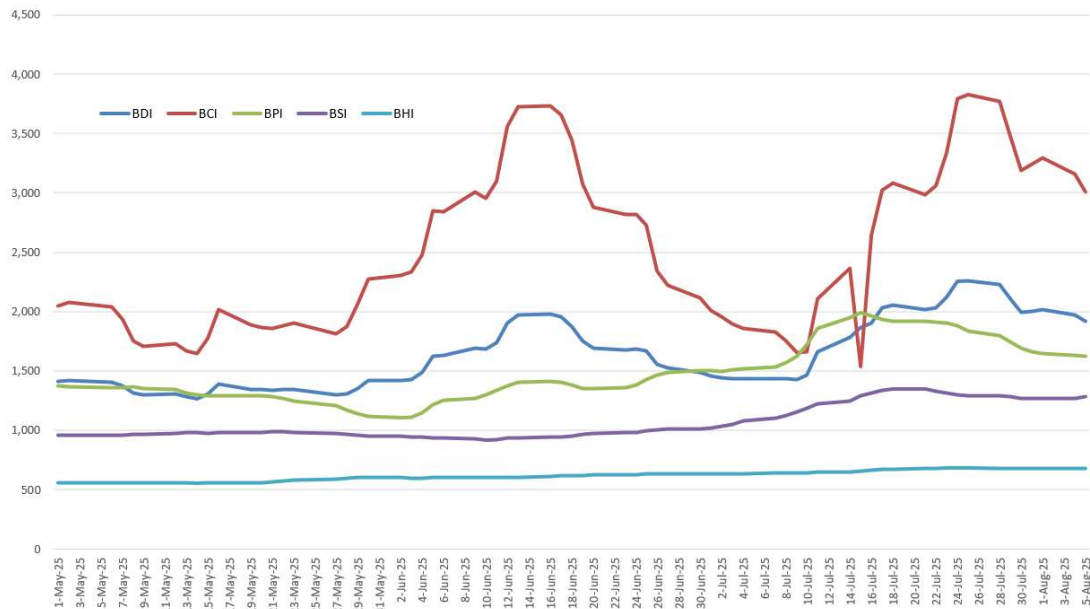
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 04/08/2025

	US\$/ngày	
SUPRAMAX	14.001	▼ 316
HANDIES 38K	12.201	▼ 70

(so sánh với giá trị ngày 28//07/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 66,27 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,03% so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 68,76 đô la Mỹ/thùng - giảm 1,31%. Giới đầu tư đang theo dõi sát diễn biến liên quan đến chính sách thương mại của Mỹ, đồng thời lo ngại về nguy cơ Mỹ áp thêm lệnh trừng phạt đối với dầu của Nga. Bên cạnh đó, BP vừa công bố một phát hiện dầu khí quan trọng tại lưu vực Santos ngoài khơi Brazil, nơi sở hữu trữ lượng dầu khí dồi dào nhất của tập đoàn này trong 25 năm qua. Theo báo cáo, các tàu chở dầu thô Nga, vốn nằm im ngoài khơi bờ biển Ấn Độ trong nhiều ngày, đã dỡ hàng tại các cảng nhập khẩu dầu của Ấn Độ vào cuối tuần qua, bất chấp lời đe dọa của Mỹ. Ngoài ra, xuất khẩu dầu thô và nhiên liệu của Venezuela trong tháng 7 đã giảm khoảng 10% so với tháng 6, xuống mức trung bình 727.000 thùng/ngày, do Chevron và các đối tác khác của PDVSA đang chờ đợi giấy phép của Mỹ để nối lại hoạt động và xuất khẩu.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Xu hướng thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận sự trầm lắng tiếp diễn kể từ đầu tuần. Hiện tại, thị trường đang trong giai đoạn trầm lắng theo mùa, dẫn đến lượng tàu có sẵn vẫn dư thừa. Theo báo cáo, nhu cầu thuê tàu hiện đang chững lại, điều này khiến việc cạnh tranh hàng hóa gia tăng, kéo theo mức cước vận tải xuống mức thấp nhất trong năm – cước cho tuyến Trung Đông/Trung Quốc giảm chỉ còn WS 43		
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)
	Trung Đông/Trung Quốc	24.877	23,582
	USG/Trung Quốc	32.748	30,383

Phân khúc tàu Suezmax	Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi có sự sôi động hơn tại khu vực Biển Đen trong tuần trước. Tuy nhiên, nhu cầu ảm đạm tiếp diễn từ đầu tuần, cước trên tuyến Nigeria/UKC duy trì quanh mức WS 78. Theo đánh giá, nguyên nhân của tình trạng ảm đạm này là do xu hướng của thị trường mùa hè và dự báo sẽ kéo dài thêm trong một vài tuần tới.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi / Cont	27.348	33,209	↑
	Guyana / UKC	26.338	30,399	↑
Phân khúc tàu Aframax	Theo đánh giá, phân khúc Aframax tại khu vực Trung Đông kết thúc tuần với cước ở mức khá thấp, phần lớn do sự trầm lắng chung của thị trường khiến lượng tàu dư thừa tăng cao. Ngược lại, tại khu vực Tây Suez, đặc biệt là Biển Đen và Địa Trung Hải ghi nhận sự cải thiện. Đơn cử, cước cho tuyến Ceyhan/Lavera tăng lên mức WS 140.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	25.798	28,370	↑
	Med / Med	26.637	37,148	↑
	USG / Cont	23.846	43,827	↑
	EC Mex / USG	15.254	44,259	↑

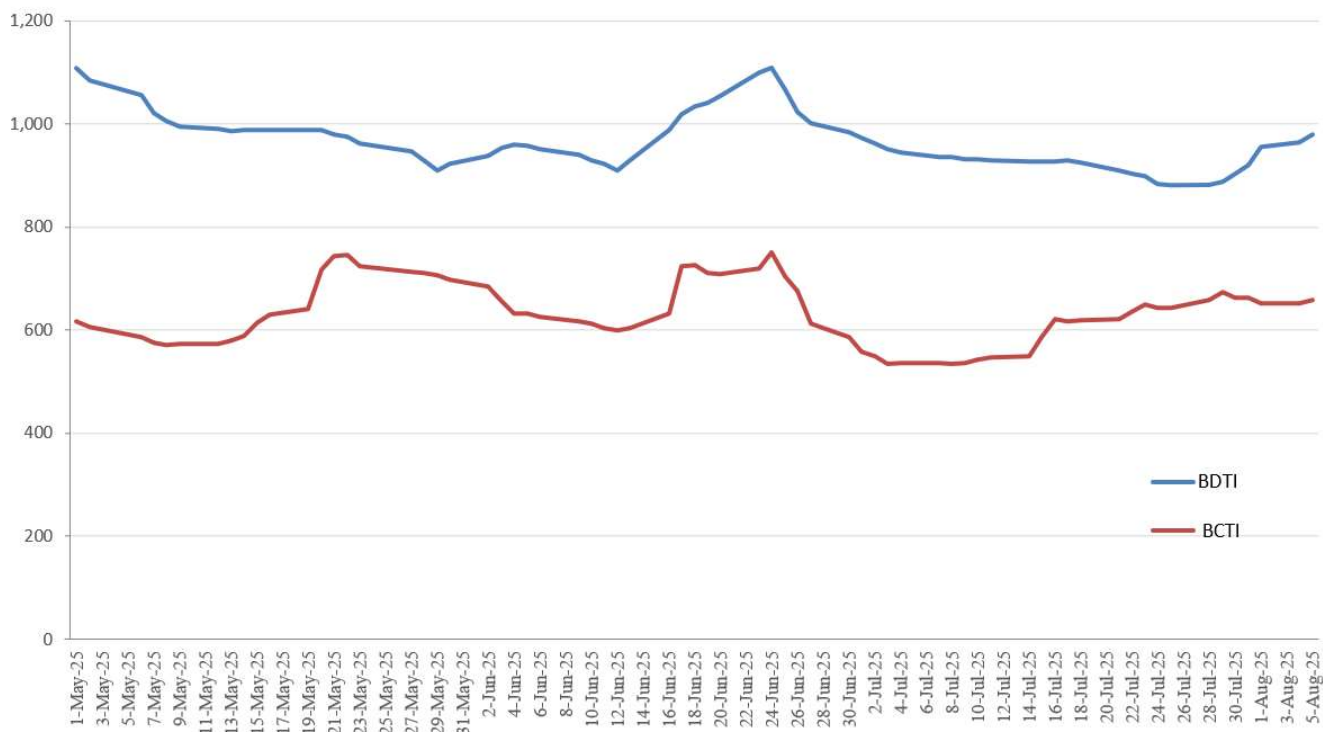
3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Tây Bắc Âu ghi nhận sự sôi động do số lượng tàu trong khu vực có phần hạn chế, đẩy mức cước lên đến WS 160. Tuy nhiên, số lượng tàu dần tăng trở lại trong tuần khiến cho mức cước đảo chiều, ghi nhận gần nhất cước trên tuyến Cont/USAC hiện giảm xuống mức WS 105. Đến thời điểm cuối tuần, tâm lý thị trường vẫn không mấy lạc quan, và cước thuê có vẻ đã gần chạm đáy. Tại khu vực Địa Trung Hải, các hoạt động trong tuần này vẫn diễn ra khá nhộn nhịp, tuy nhiên do lượng tàu có sẵn tương đối nhiều nên cần được giải phóng, cước chịu áp lực giảm. Theo đánh giá, khu vực Tây Bắc Âu đang chịu sức ép và lượng hàng hóa ít ỏi, thị trường dự kiến sẽ căng thẳng hơn trong tuần tới. Bên cạnh đó, thị trường phân khúc Handy tại UKC đang giữ mức ổn định trong tuần, số lượng tàu trong khu vực không biến động nhiều và cước cho tuyến ARA/UK-Cont duy trì ở mức WS 155. Cuối tuần, tâm lý thị trường tiếp tục trầm lắng, vẫn còn khá nhiều tàu có sẵn chờ đợi ký kết. Tại khu vực Địa Trung Hải, tiếp tục theo xu hướng của tuần trước với các hoạt động giao dịch ổn định, cước giữ ổn định trong khoảng WS 180 -185. Tuy nhiên, hoạt động ở khu vực phía Tây hiện nay khá trầm lắng, đa số chờ sang tuần sau để tiếp tục giao dịch. Mặc dù số lượng tàu có sẵn vẫn ổn định, nhưng thị trường vào tuần sau dự kiến sẽ yên ắng.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 31/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 30/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	47,500	45,500	45,000	48,000	46,500	46,000
SUEZMAX	32,500	31,500	31,000	32,500	31,500	31,500
AFRAMAX	30,000	29,500	28,500	29,500	29,500	28,500
LR-2	30,000	29,000	29,000	29,000	30,000	29,500
LR-1	24,500	23,000	22,500	24,500	23,000	22,500
MR	19,500	18,500	18,500	19,500	19,000	18,500
HANDY	17,500	16,500	16,000	17,500	16,500	16,500

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$ ▼/▲		US\$ ▼/▲		US\$ ▼/▲	
1	Pakistan	425		445		455	
2	Bangladesh	405		425		435	
3	India	415		435		445	
4	Turkey	250		260		270	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ ĐỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 31/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	DWT/ CBM	Comments
Fulda	Tanker	1999	5,365	-	300.00	19,477	Stainless steel chemical tanker, sold as is after an explosion at Kandla, India

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*